

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 472/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 - 6 - 2023  
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Xuân Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Phan Thị Dòn
- Bà Nguyễn Thị Nguyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 875/2022/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2023/QĐST–HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Bà Mai Lệ H, sinh năm 1986  
Địa chỉ: D4/21 đường A, Ấp O, xã L, huyện B, Thành phố H.
- Bị đơn:* Ông Bùi Minh S, sinh năm 1984  
Địa chỉ: D4/21 đường A, Ấp O, xã L, huyện B, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Mai Lệ H trình bày:*

Bà và ông Bùi Minh S tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2005, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh A theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01/2005 ngày 08 tháng 9 năm 2005. Thời gian đầu bà và ông S chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do ông S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo vợ con.

Do khuyên ngăn ông S nhiều lần không được nên năm 2015 bà nộp đơn ly hôn với ông S tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh. Sau đó, bà và ông S hàn gắn tình cảm vợ chồng, chung sống lại với nhau nên bà rút đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 86/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2016. Tuy nhiên, khi trở về chung sống được một thời gian thì ông S nhiều lần có hành vi bạo lực, chửi mắng bà nên năm 2020 bà nộp lại đơn ly hôn với ông S tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh. Quá trình giải quyết vụ án, được sự động viên của Thẩm phán và thiện chí hàn gắn của ông S nên một lần nữa bà rút đơn ly hôn với ông S để hàn gắn gia đình và được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 122/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2021. Thế nhưng, từ khi trở về chung sống đến nay thì ông S vẫn không thay đổi nên để đảm bảo tính mạnh, sức khỏe của bản thân, bà quyết định sống ly thân với ông S từ tháng 5/2021. Trong thời gian ly thân, bà và ông S vẫn còn liên hệ với nhau, nhưng bà không còn tình cảm với ông S. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S chung sống với nhau có 03 con chung tên Bùi Minh K1, sinh ngày 20/8/2005, giới tính nam; Bùi Minh K2, sinh ngày 09/4/2007, giới tính nam và Bùi Minh K3, sinh ngày 28/11/2013, giới tính nam. Hiện nay các con chung đang sống cùng với ông bà nội để thuận tiện cho việc đi học. Khi ly hôn, bà đồng ý giao 03 con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng; bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà xác nhận bà và ông S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận bà và ông S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Bùi Minh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông S vẫn vắng mặt, không rõ lý do; ông S cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.*

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Lệ H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Bùi Minh S; đồng ý giao 03 con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 1.000.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15/7/2023; và xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông Bùi Minh S vắng mặt không lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Mai Lệ H.

- Về con chung: Giao trẻ Bùi Minh K1, Bùi Minh K2 và Bùi Minh K3 cho ông Bùi Minh S nuôi; ghi nhận mức tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà H cho mỗi trẻ là 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xét.

- Về án phí: Bà Mai Lệ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Mai Lệ H yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Bùi Minh S. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Bùi Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh A cấp ngày 08 tháng 9 năm 2005 thì hôn nhân giữa bà Mai Lệ H với ông Bùi Minh S là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời bà H trình bày thì bà và ông S phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân là do ông S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo vợ con; ông S còn có hành vi bạo lực với bà. Bà đã nộp đơn ly hôn với ông S tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh vào năm 2015 và năm 2020, nhưng sau đó bà đã rút đơn để hàn gắn tình cảm gia đình và được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 86/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2016; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 122/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2021. Tuy nhiên, do ông S vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông S.

Đối với ông S, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông S vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi về việc yêu cầu ly hôn của bà H, chứng tỏ ông S không có thiện chí đoàn tụ.

Mặt khác, căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông S tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành phố H thì Ủy ban nhân dân xã không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông S.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà H xin ly hôn với ông S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà H xác định bà và ông S có 03 con chung tên Bùi Minh K1, sinh ngày 20/8/2005, giới tính nam; Bùi Minh K2, sinh ngày 09/4/2007, giới tính nam và Bùi Minh K3, sinh ngày 28/11/2013, giới tính nam. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao 03 con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ K1, trẻ K2 và trẻ K3 có nguyện vọng ở với ông S khi bà H và ông S ly hôn nên để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chung cần giao trẻ K1, trẻ K2 và trẻ K3 cho ông S nuôi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi trẻ 1.000.000 đồng/tháng và tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/7/2023 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày bà và ông S không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Mai Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Lệ H đối với ông Bùi Minh S.

Bà Mai Lệ H được ly hôn với ông Bùi Minh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 105, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh A cấp ngày 08 tháng 9 năm 2005 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Bùi Minh K1, sinh ngày 20/8/2005, giới tính nam; Bùi Minh K2, sinh ngày 09/4/2007, giới tính nam và Bùi Minh K3, sinh ngày 28/11/2013, giới tính nam cho ông Bùi Minh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Mai Lệ H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi trẻ mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/7/2023.

Người trực tiếp nuôi con chung có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai có quyền cản trở quyền thăm nom con chung.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Lệ H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Mai Lệ H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041734 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Mai Lệ H còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Bùi Xuân Hương**